

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 516/2020/TLST-HNGĐ ngày 01/6/2020 về tranh chấp “Ly hôn” giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị Kim A, sinh năm 1974;  
Địa chỉ: 237/3/20/16 Lê Văn Khương, Tổ 6C, Khu phố 1, phường H, Quận X, Thành phố R;

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Chí B, sinh năm 1960;  
Địa chỉ: 34/1A Nguyễn Ảnh Thủ, Tổ 14, Khu phố 6, phường K, Quận X, Thành phố R.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;  
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.  
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2020.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Vũ Thị Kim A và ông Nguyễn Chí B;

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Kim A và ông Nguyễn Chí B thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự có hiệu lực thì Giấy chứng nhận kết hôn số 75/2016 do Ủy ban nhân dân phường N, Quận X cấp ngày 11/4/2016 không còn giá trị pháp lý.

2.2 Về con chung: không có

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về án phí: Bà Vũ Thị Kim A tự nguyện chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng. Bà A đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0104527 ngày 01/6/2020 của Chi Cục thi hành án Dân sự Quận X, Thành phố R nên được cản trừ. Hoàn lại cho bà A số tiền 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND Quận X;
- Các đương sự;
- UBND phường N, Quận X, Thành phố R;
- Lưu.

**THẨM PHÁN**

**Hồ Thị Nga**